TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2017/DS-PT.
Ngày 28/8/2017.
"Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2017/QĐPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị B, sinh năm 1976.

Cư trú: Số A, ấp G.B, xã T.H.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: 1/ Hà Hữu T, sinh năm 1972;

2/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1975.

(Đại diện theo ủy quyền của chị L là anh Hà Hữu T - chồng chị L).

Cùng cư trú: Ấp G.B, xã T.H.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Hồ Thị X và Luật sư Võ Thị T - Văn phòng Luật sư X - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Nguyễn Thị L, Hà Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phan Thị B trình bày:

Ngày 25/02/2014 (âl), chị L có ký biên nhận vay tiền của chị B số tiền 125.300.000 đồng. Số tiền này là chốt nợ của những lần vay trước (không nhớ là mấy khoản, vay khi nào vì đã tính toán xong và những lần vay trước không có giấy tờ) và đưa thêm tiền mặt (cũng không nhớ là đưa thêm bao nhiêu, nhưng cộng chung lại là 125.300.000 đồng). Mục đích vay chị L nói là vay về để đáo nợ ngân hàng và hẹn sau khi vay lại ngân hàng sẽ trả, nhưng sau đó chị B yêu cầu nhiều lần chị L không trả nên chị B khởi kiện yêu cầu chị L và chồng là anh Hà Hữu T trả cho chị tiền gốc là 125.300.000 đồng và lãi là 31.011.750 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi xét xử. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị B xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu trả gốc là 125.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra yêu cầu chị L trả lại chi phí giám định là 7.650.000 đồng mà chị B đã thanh toán bởi chị L không thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trong biên nhận nên chị B yêu cầu trưng cầu giám định.

Còn ý kiến chị L cho rằng số tiền 125.300.000 đồng trong biên nhận ngày 25/02/2014 (âl) xuất phát từ hai số tiền vay 65.000.000 đồng và 60.000.000 đồng nhưng đã trả xong nợ gốc, chỉ còn thiếu lại tiền lãi thì chị B không thống nhất. Đối với 02 tờ giấy mà bị đơn cung cấp cho Tòa án cho rằng chị B đã nhận tiền và trừ cấn lãi thì chị B không thừa nhận, mà đó là tính toán tiền của những khoản vay khác không liên quan gì đến khoản tiền 125.300.000 đồng mà chị B khởi kiện.

- Bị đơn là chị Nguyễn Thị L do anh Hà Hữu T đại diện trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B thì chị L không thống nhất trả vì đối với số tiền 125.300.000 đồng là xuất phát từ số tiền vay của hai khoản nợ như sau:

+ Thứ nhất vào ngày 10/11/2012 (âl) chị L vay của chị B số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất là 6% tháng và đến ngày 25/02/2014 tổng số tiền chị L trả gốc cho chị B 02 lần mỗi lần 30.000.000 đồng (cụ thể là vào tháng 9/2013 và lần thứ hai vào ngày 25/02/2014). Vậy chị L trả cho chị B tiền gốc được 60.000.000 đồng nên chỉ thiếu lại tiền lãi.

+ Thứ hai chị L vay 65.000.000 đồng lãi suất cho vay là 4%/ tháng nhưng không nhớ ngày vay. Số tiền vay này chị L trả cho chị B tiền gốc 04 lần với số tiền là 65.000.000 đồng (cụ thể lần thứ nhất trả 10.000.000 đồng, lần 2 trả 40.000.000 đồng, lần 3 trả 10.000.000 đồng, lần 4 có gởi cho chị S trả dùm 5.000.000 đồng); các lần trả này chị B có viết giấy bằng mực đỏ đưa cho chị L. Chị L chỉ còn thiếu lại chị B số tiền lãi. Sau đó đến ngày 25/02/2014 (âl) chị B đưa cho chị L ký tên

vào tờ giấy trắng và tự ghi vào đó thành biên nhận với số tiền là 125.300.000 đồng để khởi kiện hôm nay, chứ chị L không có vay số tiền 125.300.000 đồng của ngày 25/02/2014 (âl) như chị B khởi kiện.

Do chỉ còn thiếu tiền lãi nên chị L yêu cầu Tòa án điều chỉnh tiền lãi theo quy định pháp luật của hai khoản tiền vay 60.000.000 đồng và 65.000.000 đồng là bao nhiêu chị L thống nhất trả cho chị B.

Đối với chi phí giám định chị L không thống nhất trả vì chị B tự yêu cầu giám định thì chị B tự chịu không liên quan đến chị L.

- Bị đơn là anh Hà Hữu T trình bày:

Anh T đồng ý và tự nguyện cùng chị L trả cho chị B tiền lãi còn thiếu của 02 khoản tiền vay như chị L trình bày; yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật là bao nhiêu thì anh và chị L cùng trả cho chị B. Ngoài 02 lần vay 60.000.000 đồng ngày 10/11/2012 (âl) và 65.000.000 đồng không nhớ ngày mà vợ chồng anh đã trả cho chị B tiền gốc và chị B ghi giấy tờ anh T đã cung cấp cho Tòa thì vợ chồng anh không vay bất cứ khoản tiền nào của chị B nữa cả.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện T quyết định:

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B về yêu cầu trả phần tiền lãi số tiền 31.011.750 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hữu T liên đới trả cho chị Phan Thị B số tiền vay còn thiếu gốc là 78.910.000 đồng và lãi là 1.706.000 đồng. Tổng cộng là 80.616.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị L trả cho chị Phan Thị B chi phí giám định là 7.650.000 đồng.

Kể từ ngày chị Phan Thị B có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hữu T chưa trả số tiền nợ gốc nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hữu T chịu án phí dân sự là 4.030.000 đồng.

Buộc chị Phan Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.234.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.132.500 đồng theo biên lai thu số BM/2012/036148 ngày 12/5/2016 của Chi cục Thi hành án huyện T. Chị Phan Thị B được nhận lại số tiền còn lại là 898.500 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm đến ngày 28/02/2017 chị Nguyễn Thị L, anh Hà Hữu T kháng cáo bản án yêu cầu sửa bản án sơ thẩm tính lại các khoản tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự chị B, anh T, Luật sư T có mặt. Các đương sự khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ các chứng cứ cho Toà án xem xét giải quyết vụ án. Ý kiến nguyên đơn chị B thống nhất và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ý kiến: Chị L, anh T chỉ vay tiền của chị B hai lần, lần thứ nhất 60.000.000 đồng, lần thứ hai 65.000.000 đồng. Ngày 10/11/2012 số tiền vay 60.000.000 đồng đã trả xong với lãi suất 5%. Tháng 5/2012 số tiền vay 65.000.000 đồng đã trả lãi xong tới ngày 25/2/2014 là 53.000.000 đồng với lãi suất 4% chỉ còn thiếu lại 5.400.000 đồng nên đề nghị điều chỉnh tiền lãi là 0,75/ tháng.

Bị đơn anh T đồng ý lời trình bày Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp, không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung kháng cáo của chị L, anh T yêu cầu tính lại số tiền vay và mức lãi suất của số tiền vay theo mức lãi suất 0,75%/ tháng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo chị Nguyễn Thị L, anh Hà Hữu T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị B và bị đơn anh Hà Hữu T, chị Nguyễn Thị L đều thống nhất với nhau hai bên có thỏa thuận hợp đồng vay tiền. Số tiền còn lại theo chị B là đến ngày 25/02/2014 (âl) chị L còn ký biên nhận thiếu số tiền vay của chị B là 125.300.000 đồng. Bị đơn anh T, chị L vẫn giữ nguyên ý kiến số tiền 125.300.000 đồng trong biên nhận ngày 25/02/2014 (âl) xuất phát từ hai số tiền vay 65.000.000 đồng và 60.000.000 đồng và đã trả xong nợ gốc, chỉ còn thiếu tiền lãi. Nhưng do chị L ký tên vào tờ giấy trắng, số tiền thiếu 125.300.000 đồng là do chị B tự ghi vào. Số tiền anh T, chị L trả cho chị B các lần là thể hiện ở 02 tờ

giấy mà anh chị cung cấp chứng minh chị B đã nhận tiền và trừ cấn lãi nhưng chị B không thừa nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào việc chị B thừa nhận số tiền 125.300.000 đồng tranh chấp xuất phát từ hai số tiền mà chị B cho chị L vay: 60.000.000 đồng vào ngày 10/11/2012 (âl) với lãi suất là 6%/tháng và 65.000.000 đồng vào ngày 14 tháng 12 năm 2013 (âl). Đến ngày 25/02/2014 (âl) chị B và chị L đã tính toán trừ tiền lãi chị L đã trả được chốt nợ còn số tiền là 125.300.000 đồng và chị L đồng ý ký vào biên nhận xác định lại việc thực hiện hợp đồng giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo thì về số tiền chị L, anh T thanh toán cho chị B được căn cứ 02 tờ giấy mà chị L, anh T cung cấp do chị Bích tính toán tiền với chị L như trong tờ giấy ngày 25/02/2014 (âl) chốt tiền nợ ghi: "cô 6 L ngày 10/11/2012 đến 25/2/2014 60.000.000 đồng; 13,5 tháng lãi 48.600.000, cô 6 đưa 30.000.000, .v.v. tổng cộng ngày 25/2/2014 là 125.300.000" trong đó thể hiện rõ số tiền là trả 02 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng nhưng trừ vào lãi (lãi theo thỏa thuận) rồi mới trừ vào gốc …. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đây để tính toán lại điều chỉnh số tiền vốn và lãi hợp đồng vay giữa chị B với chị L, anh T là hoàn toàn chính xác. Bởi vì biên nhận ngày 25/2/2014 chị B cung cấp cũng có ghi phía cuối *"ngày 25-2- 48.600.000"* hoàn toàn phù hợp với tờ giấy chữ chị Bích ghi tính toán tiền đưa cho chị L sau khi kết ghi "tổng cộng ngày 25-2-2014 là 135.000.000 đồng" đồng thời phía sau tờ giấy này có ghi "*còn lại ghi 1 gốc ngày 25/2/2014 là 48.600.000 T6 lay*".

[3] Về số tiền vay 65.000.000 đồng chị L, anh T trình bày đã trả 4 lần chỉ còn thiếu 5.400.000 đồng nhưng chị B vẫn ghi còn nợ 65.000.000 đồng chứng cứ là theo tờ giấy viết bằng mực đỏ (BL 16) đây chỉ còn thiếu lãi. Chị B không thừa nhận; anh T, chị L không có gì chứng minh thêm được những con số trong tờ giấy viết bằng mực đỏ là số tiền trả cho số tiền vay 65.000.000 đồng như khai ở trên. Xét các khoản nợ tổng kết vào ngày 25/2/2014 (BL 15) trong đó có ghi số tiền nợ 65.000.000 đồng và có ghi cộng cả phần tiền thiếu 5.400.000 đồng thành 125.300.000 đồng; trong biên nhận này cũng không ghi 5.400.000 đồng đó là tiền lãi. Do đó chấp nhận theo ý kiến của chị B số tiền 5.400.000 đồng là số nợ vay khác không liên quan gì đối với số tiền vay 65.000.000 đồng ngày 25/2/2014 (âl). Do đó không chấp nhận trình bày của bị đơn đối với khoản tiền vốn 65.000.000 đồng đã trả chỉ còn 5.400.000 đồng trong tờ giấy viết bằng mực đỏ (BL 16).

[4] Anh T, chị L yêu cầu điều chỉnh lãi suất tiền vay bằng lãi suất cơ bản là 0,75%/ tháng nhưng hợp đồng vay hai bên thoả thuận có lãi suất và theo quy định lãi suất này không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản nên lãi suất được tính 1,125%/tháng là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó không căn cứ điều chỉnh lại số tiền vốn và lãi Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán để quyết định.

[5] Đối với chi phí giám định do chị L không thừa nhận chữ ký và dấu vân tay trong biên nhận đề ngày 25/2/2014 là do mình viết và lăn tay. Nên chị B mới phải yêu cầu trưng cầu giám định và kết quả trưng cầu giám định đúng là chữ viết, chữ ký của chị L nên chị L phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Chị B đã nộp tiền tạm ứng để chi trả phí trưng cầu giám định nên chị L có nghĩa vụ phải trả lại cho chị B.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi ích cho bị đơn và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, anh T.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp đúng quy định pháp luật nên chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị L, anh T phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B về yêu cầu trả phần tiền lãi số tiền 31.011.750 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị B.

1/ Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hữu T liên đới trả cho chị Phan Thị B số tiền vay còn thiếu gốc là 78.910.000 đồng và lãi là 1.706.000 đồng. Tổng cộng là 80.616.000 đồng.

2/ Buộc chị Nguyễn Thị L trả cho chị Phan Thị B chi phí giám định là 7.650.000 đồng.

Kể từ ngày chị Phan Thị B có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hữu T chưa trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Hữu T phải nộp án phí dân sự là 4.030.000 đồng.

Chị Phan Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.234.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.132.500 đồng theo biên lai thu số BM/2012/036148 ngày 12/5/2016 của Chi cục Thi hành án huyện T. Chị Phan Thị B được nhận lại số tiền còn lại là 898.500 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thị L, anh Hà Hữu T phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 03317, 03316 cùng ngày 01/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T; chị L, anh T được nhận lại 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Chí Tâm